

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA ĐIỀU DƯỠNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM		
Mã học phần:	71NURC40282	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	243_71NURC40282_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	50	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (31 câu hỏi = 7 điểm)

CLO1: GỒM CÁC CÂU HỎI TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 20 – PI 2.1.

Loại độc tố do *Vibrio cholerae* tiết ra gây tiêu chảy cấp là:

- A. Cholera toxin
- B. Endotoxin
- C. Neurotoxin
- D. Exotoxin A

ANSWER: A

Tác dụng của Oresol trong điều trị bệnh tả là:

- A. Bù nước, điện giải
- B. Chống nôn
- C. Giảm đau
- D. Bổ sung dinh dưỡng

ANSWER: A

Nguyên nhân gây sốt cao ở người bệnh lỵ trực trùng là do:

- A. Tác dụng toàn thân của nội độc tố từ vi khuẩn Shigella
- B. Hoạt động xâm lấn của ký sinh trùng vào thành ruột
- C. Mất nước điện giải nặng
- D. Hoại tử niêm mạc đại tràng gây bội nhiễm

ANSWER: A

Đặc điểm cơn đau bụng thường gặp ở người bệnh lỵ amíp là:

- A. Đau quặn từng cơn vùng hố chậu trái, kèm mót rặn
- B. Đau quặn từng cơn vùng hạ sườn phải
- C. Đau âm ỉ vùng thượng vị, lan ra sau lưng
- D. Đau liên tục vùng quanh rốn, kèm buồn nôn

ANSWER: A

Đường lây truyền chính của bệnh thương hàn là:

- A. Qua thực phẩm và nước uống bị nhiễm khuẩn
- B. Qua giọt bắn hô hấp
- C. Qua tiếp xúc với máu người bệnh
- D. Qua vết muỗi đốt

ANSWER: A

Xét nghiệm có giá trị đánh giá tình trạng mất máu ở người bệnh thương hàn:

- A. Hemoglobin (Hb), Hematocrit (Hct)
- B. Đo glucose máu
- C. CRP (C-reactive protein)
- D. AST, ALT

ANSWER: A

Nguyên nhân Hct giảm ở người bệnh thương hàn do:

- A. Xuất huyết tiêu hóa
- B. Mất nước
- C. Sốt cao
- D. Nhiễm trùng

ANSWER: A

Viêm gan siêu vi B và C chủ yếu lây qua đường nào sau đây?

- A. Hô hấp
- B. Đường máu, tinh dịch, mẹ truyền sang con
- C. Qua thực phẩm nhiễm virus
- D. Đường tiếp xúc da thông thường

ANSWER: A

Nguyên nhân gây vàng da ở người bệnh sốt rét:

- A. Tăng bilirubin/máu
- B. Tăng Sắt/máu
- C. Tăng Albumin/máu
- D. Tăng Creatinin/máu

ANSWER: A

Nguyên nhân gây tán huyết ở người bệnh sốt rét là:

- A. Giải phóng tiết trùng sốt rét khỏi hồng cầu
- B. Tiết trùng sốt rét hấp thu toàn bộ dịch trong tế bào
- C. Có quá nhiều tiết trùng sốt rét cùng xâm nhập vào 1 hồng cầu
- D. Tiết trùng sốt rét làm tổn thương nhân tế bào

ANSWER: A

Đặc điểm công thức bạch cầu của người bệnh cúm là:

- A. Bạch cầu lympho (Lymphocytes) tăng nhẹ
- B. Bạch cầu trung tính (Neutrophils) tăng
- C. Bạch cầu ái toan (Eosinophils) tăng
- D. Bạch cầu Mono (Monocytes) tăng

ANSWER: A

Trong các loại virus cúm sau, loại nào thường gây đại dịch cúm ở người?

- A. Cúm A
- B. Cúm B
- C. Cúm C
- D. Cúm D

ANSWER: A

Tác nhân gây bệnh uốn ván là vi khuẩn nào sau đây?

- A. *Clostridium tetani*
- B. *Clostridium perfringens*
- C. *Clostridium difficile*
- D. *Streptococcus pyogenes*

ANSWER: A

Đặc điểm nổi bật của vi khuẩn *Clostridium tetani* là:

- A. Vi khuẩn gram dương, kỵ khí, sinh nha bào
- B. Vi khuẩn gram âm, hình cầu, không di động
- C. Vi khuẩn gram âm, hình xoắn, ưa khí
- D. Vi khuẩn gram dương, hiếu khí tuyệt đối

ANSWER: A

Thuốc được chỉ định cắt cơn co giật ở người bệnh uốn ván là:

- A. Diazepam
- B. Metronidazol

C. Erythromycin

D. MgSO₄

ANSWER: A

Vị trí thường gặp của giả mạc trong bạch hầu họng là:

A. Amidan, khẩu cái mềm, thành sau họng

B. Niêm mạc mũi

C. Mặt lưỡi và lợi

D. Đáy lưỡi và thanh quản

ANSWER: A

Giả mạc trong bạch hầu họng thường có đặc điểm nào sau đây?

A. Dày, trắng xám, bám chắc, chảy máu khi bóc

B. Mỏng, trong suốt, dễ bong, không chảy máu

C. Màu xanh nhạt, dễ bong tróc

D. Màu hồng, mềm, không ảnh hưởng hô hấp

ANSWER: A

Biện pháp phòng ngừa bệnh bạch hầu hiệu quả nhất trong cộng đồng là:

A. Tiêm vắc-xin phòng bệnh đầy đủ theo chương trình tiêm chủng

B. Đeo khẩu trang khi ra ngoài

C. Uống kháng sinh dự phòng hằng năm

D. Hạn chế ăn thức ăn đường phố

ANSWER: A

Biện pháp hiệu quả nhất để phòng ngừa bệnh sốt xuất huyết là:

A. Diệt muỗi, diệt lăng quăng (bọ gậy), tránh bị muỗi đốt

B. Tiêm vắc-xin phòng Dengue cho mọi đối tượng

C. Uống thuốc hạ sốt mỗi tuần một lần

D. Cách ly người bệnh tại bệnh viện ít nhất 10 ngày

ANSWER: A

Loại muỗi truyền bệnh viêm não Nhật Bản là:

A. *Culex* – thường sống ở vùng nước sạch

B. *Aedes aegypti* – đốt người vào ban ngày, trú ẩn nơi tối

C. *Anopheles* – hoạt động chủ yếu về đêm

D. *Mansonia* – sống ở đầm lầy

ANSWER: A

CLO1: GỒM CÁC CÂU HỎI TỪ CÂU 21 ĐẾN CÂU 30 – PI 3.1A.

Khi lập kế hoạch giáo dục sức khỏe cho người bệnh ly amip, nội dung nào sau đây là **quan trọng nhất**?

- A. Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh
- B. Tăng cường vận động nhẹ nhàng sau hồi phục
- C. Tái khám mỗi 3 tháng để phòng bệnh
- D. Ăn thêm rau sống để bổ sung chất xơ

ANSWER: A

Nguyên nhân xuất hiện ban xuất huyết hoại tử ở chi dưới ở người bệnh viêm não mô cầu:

- A. Đông máu nội mạch rải rác (DIC)
- B. Suy giảm chức năng gan
- C. Tổn thương thần kinh cảm giác
- D. Viêm tắc tĩnh mạch sâu

ANSWER: A

Nguyên nhân dẫn đến sốc ở người bệnh não mô cầu là:

- A. Nhiễm trùng do nội độc tố
- B. Suy tim phải
- C. Mất máu cấp
- D. Thiếu natri máu

ANSWER: A

Tại Việt Nam, loại viêm gan siêu vi nào sau đây lưu hành phổ biến và là nguyên nhân hàng đầu gây xơ gan, ung thư gan?

- A. Viêm gan siêu vi B
- B. Viêm gan siêu vi C
- C. Viêm gan siêu vi E
- D. Viêm gan siêu vi A

ANSWER: A

Người bệnh viêm gan B cần được hướng dẫn gì trước khi xuất viện?

- A. Duy trì chế độ ăn uống, nghỉ ngơi, dùng thuốc đúng và tái khám theo hẹn
- B. Ngưng thuốc ngay khi cảm thấy khỏe
- C. Không cần tái khám nếu đã hết triệu chứng
- D. Tập thể dục mạnh để tăng cường chức năng gan

ANSWER: A

Thang điểm nào sau đây thường được sử dụng để đánh giá mức độ tri giác của người bệnh nghi ngờ có biến chứng não gan?

- A. Thang điểm Glasgow (GCS)
- B. Thang điểm APGAR
- C. Thang điểm Braden
- D. Thang điểm Barthel

ANSWER: A

“Người bệnh viêm não mô cầu có triệu chứng sốt cao đột ngột, đau đầu dữ dội, nôn, gáy cứng” gợi ý biến chứng:

- A. Viêm màng não
- B. Viêm phổi
- C. Viêm họng cấp
- D. Nhiễm khuẩn huyết

ANSWER: A

“Người bệnh khai sốt có tính chất lặp lại vào cùng khoảng thời gian, kèm theo lạnh run”.

Thông tin cần thu thập thêm để chẩn đoán sốt rét:

- A. Tiền sử dịch tễ của người bệnh
- B. Thời gian bắt đầu cơn sốt
- C. Đặc điểm giữa hai cơn sốt
- D. Tiền sử dị ứng

ANSWER: A

“Người bệnh sốt xuất huyết có triệu chứng sốt cao (40 độ C) liên tục, nôn khoảng 5 lần/8 giờ, mệt mỏi” được chẩn đoán là:

- A. Sốt xuất huyết có dấu hiệu cảnh báo
- B. Sốt xuất huyết không có dấu hiệu cảnh báo
- C. Sốt xuất huyết nặng
- D. Shock sốt xuất huyết

ANSWER: A

Để phòng ngừa bệnh thủy đậu trong cộng đồng, biện pháp hiệu quả nhất là:

- A. Tiêm vắc-xin thủy đậu đầy đủ và đúng lịch
- B. Hạn chế ăn đồ ngọt
- C. Cho uống vitamin C mỗi ngày
- D. Uống nhiều nước cam trong mùa dịch

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN: CÂU 31 - 34

Sử dụng tình huống sau để trả lời các câu hỏi từ 31 - 34

Một người bệnh 36 tuổi, nghề nghiệp nông dân, nhập khoa Cấp cứu với vết thương không lành ở mặt sau đùi trái kéo dài 7 ngày, sau khi bị ngã từ trên cây. Vết thương sưng, đau (VAS 7/10) và chảy dịch vàng đục (# 35 ml).

Trong ngày đầu nhập viện, bệnh nhân bắt đầu có biểu hiện nói khó, lơ mơ nhẹ, cứng bụng như ván gỗ, co cứng hàm. Các cơn co thắt toàn thân xuất hiện thành từng đợt và dễ khởi phát bởi ánh sáng hoặc tiếng động nhỏ.

Khám thần kinh: phản xạ gan bàn chân hướng xuống, nhưng phản xạ hàm tăng. Bệnh nhân được chẩn đoán nghi ngờ uốn ván toàn thể và chuyển vào khoa Hồi sức tích cực (ICU). Nuôi ăn qua sonde dạ dày. Người nhà lo lắng khi được giải thích về tình trạng sức khỏe của người bệnh.

CLO2 - PI 2.2: GỒM CÁC CÂU HỎI TỪ CÂU 31 - 32

31. Liệt kê 04 dấu hiệu người bệnh được chuyển vào ICU:

32. Phương pháp cung cấp dinh dưỡng phù hợp với người bệnh trong tình huống trên:

CLO2 - PI 3.2: GỒM CÁC CÂU HỎI TỪ CÂU 33 – 34.

33. Hoàn thành chẩn đoán điều dưỡng và mục tiêu tương ứng sau đây (2 chẩn đoán trước mắt, 01 chẩn đoán lâu dài)

Chẩn đoán điều dưỡng	Mục tiêu chăm sóc
1..... liên quan đến tình trạng nhiễm trùng vết thương	2
3. Người bệnh dinh dưỡng không đảm bảo liên quan đến	Đảm bảo đủ dinh dưỡng cho người bệnh
4. Nguy cơ suy hô hấp liên quan.....	5.....

34. Liệt kê 2 hành động điều dưỡng phòng ngừa co giật:

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7.0	
CLO1 – PI 2.1		4.0	
Câu 1 – 20	A	0.2	
CLO1 – PI 3.1A		3.0	
Câu 21- 30	A	0.3	
II. Tự luận		3.0	
CLO2 – PI 2.2		1.0	
31. Liệt kê 04 dấu hiệu người bệnh được chuyển vào ICU:	Lơ mơ	0.2	
	Dễ kích thích	0.2	
	Co cứng hàm	0.2	
	Co cứng bụng	0.2	
32. Phương pháp cung cấp dinh dưỡng phù hợp với người bệnh này:	Nuôi ăn qua sonde dạ dày	0.2	
CLO2 – PI 3.2		2.0	
33. Hoàn thành chẩn đoán điều dưỡng và mục tiêu tương ứng	1. Người bệnh đau (VAS 7/10), chảy dịch vàng đục (# 35 ml)	0.2	
	2. Giảm đau (VAS 5/10), làm sạch dịch tiết	0.2	
	3. Cứng hàm	0.2	
	4. người bệnh co cứng do dễ bị kích thích	0.2	
	5. Đề phòng nguy cơ/không xảy ra nguy cơ suy hô hấp	0.2	
34. Liệt kê 2 hành động điều dưỡng phòng ngừa co giật:	6. Cho người bệnh nằm phòng ánh sáng yếu	0.5	
	7. Hạn chế tiếng động trong phòng người bệnh	0.5	
Điểm tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

Lý Thị Phương Hoa

Lý Thị Phương Hoa/ Vũ Long